

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 45/2021/HS-ST

Ngày 18-6-2021.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Điền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Đình Lý

2. Bà Đỗ Thị Kim Chinh.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Nga - Là thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:** Nguyễn Tiến Mạnh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2021/TLST - HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

**Đặng Văn T**, sinh ngày 14/02/1995; Tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Khu C, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T, sinh năm 1972 và bà Lương Thị L, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 07/02/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 02/4/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2012 bị Công an thành phố H đưa đi cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng trong thời gian 02 năm về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 27/01/2021 bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an thành phố P, tỉnh H khởi tố và tạm giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 11, khu 2, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn 9, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu 5, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21/01/2021, Đặng Văn T đến nhà anh Nguyễn Đức T thuộc khu 5, phường Q, thị xã Q chơi thì gặp anh Nguyễn Đức T; trú tại khu 2, phường H, thành phố H là bạn của anh T. Cả nhóm cùng ngồi uống rượu đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX 125, BKS 14X- 157.70 của anh T1 về nhà để lấy điện thoại, anh T1 đồng ý. Sau khi mượn được xe, T nảy sinh ý định chiếm đoạt, T đi đến nhà ông Vũ Văn Th trú tại thôn 9, xã H, thị xã Q với mục đích bán xe nhưng do không có giấy tờ xe nên ông Th không đồng ý, T vay ông Th 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) và để chiếc xe mô tô tại nhà ông Th, sau đó T bỏ trốn không liên lạc với anh T1 để trả lại xe, số tiền vay của ông Th T đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 13/3/2021, ông Vũ Văn Th giao nộp Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Q chiếc xe mô tô có đặc điểm như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 16/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Q xác định: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX 125 màu sơn đỏ, gắn BKS 14X1 - 157.70, đã qua sử dụng có trị giá 27.200.000đ (*hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với vật chứng của vụ án 01 (một) chiếc xe Piaggio Vespa LX 125 màu sơn đỏ, gắn BKS 14X1 - 157.70, Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại anh Nguyễn Đức T1. Anh T1 không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 42/CT-VKSQY ngày 12/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q - tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tổng hợp với 42 tháng tù tại bản án số 64 ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án từ 78 tháng đến 84 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/01/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Vũ Văn Th số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có mặt, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như phần “*nội dung vụ án*” đã nêu. Bị cáo xác định hành vi mà bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra vụ án; phù hợp với đơn trình báo và lời khai của người bị hại anh Nguyễn Đức T1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Th và người làm chứng anh Nguyễn Đức T2. Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng biên

bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường; bản ảnh vật chứng; kết luận định giá tài sản số 12 ngày 16/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Q cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/01/2021 tại nhà anh Nguyễn Đức T thuộc khu 5, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Đặng Văn T đã có hành vi mượn xe mô tô BKS 14 X1 - 157.70 có trị giá 27.200.000đ (*hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) của anh Nguyễn Đức T1, sau đó chiếm đoạt rồi bỏ trốn.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Đặng Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh đã quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; Gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương; Gây tâm lý hoang mang lo lắng bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo thật nghiêm trước pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

Xét nhân thân bị cáo thì thấy: Đặng Văn T là người đã trưởng thành, có sức khỏe để lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, nhưng chỉ vì bản tính tham lam, ham chơi muốn có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Bị cáo đã dùng thủ đoạn lợi dụng lòng tin và sự quen biết của người bị hại anh Nguyễn Đức T1 để chiếm đoạt tài sản, sau khi mượn được xe mô tô, T đi đến nhà ông Vũ Văn Th mục đích để bán xe, nhưng do không có giấy tờ xe nên ông Th không đồng ý mua, T đã vay của ông Th 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) và để chiếc xe mô tô tại nhà ông Th, sau đó T bỏ trốn không liên lạc với anh T1 để trả lại xe, số tiền vay của ông Th T đã tiêu sài cá nhân hết. Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án. Ngày 07/02/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; Ngày 02/4/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 18 tháng tù cũng về tội "*Trộm cắp tài sản*". Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, chưa được xoá án tích, bản án trước chưa đủ để bị cáo tiếp thu sự giáo dục, cải tạo của cơ quan pháp luật, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm đây là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên cũng xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nhận thức được sai phạm, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng trong chính sách hình sự pháp luật của nước ta.

Ngày 13/5/2021 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã xét xử phạt bị cáo 42 (bốn hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, cần tổng hợp và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

[4] Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ nhà nước, nhưng cũng xét bị cáo lao động tự do, không có tài sản riêng, hoàn cảnh kinh tế gia đình có khó khăn, nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX 125 màu sơn đỏ, gắn BKS 14 X1 - 157.70 Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại anh Nguyễn Đức T1. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa anh T1 vắng mặt, nhưng cũng không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Xét thiệt hại và trách nhiệm dân sự: Số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) ông Vũ Văn Th cho bị cáo vay, ông Th yêu cầu bị cáo phải trả lại. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho ông Th số tiền trên là phù hợp.

[7] Đối với hành vi của ông Vũ Văn Th là người giữ xe, nhưng ông Th không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp với 42 (bốn mươi hai) tháng tù tại bản án số 64 ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 78 (bảy mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/01/2021.

- Cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Vũ Văn Th số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Đặng Văn T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu HS + VP + THA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Nguyễn Văn Điền***











